

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hiệu chỉnh E-HSMT/hồ sơ mời thầu
Gói thầu số 5: Xây lắp lưới điện Kỳ Anh bổ sung năm 2025
Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Nâng cao năng lực vận hành lưới
điện hạ áp, giảm tổn thất điện năng và giảm số khách hàng điện áp thấp
trên địa bàn thị xã Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025
Thuộc dự án: Nâng cao năng lực vận hành lưới điện hạ áp, giảm tổn thất
điện năng và giảm số khách hàng điện áp thấp trên địa bàn thị xã Kỳ Anh,
huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025

GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 sửa
đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính
Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu
trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Tờ trình số 141/TCG_ĐT XD ngày 24/11/2025 của Tổ chuyên gia
về việc trình phê duyệt hiệu chỉnh E-HSMT/hồ sơ mời thầu Gói thầu số 5: Xây lắp
lưới điện Kỳ Anh bổ sung năm 2025;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 842/ĐT ngày 24/11/2025 của Phòng Quản
lý đầu tư Công ty Điện lực Hà Tĩnh về việc thẩm định hiệu chỉnh E-HSMT/hồ sơ
mời thầu Gói thầu số 5: Xây lắp lưới điện Kỳ Anh bổ sung năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-HĐTV ngày 01/6/2025 của Tổng công ty
Điện lực miền Bắc về việc ban hành Quy định phân cấp của Hội đồng thành viên
Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-HĐTV ngày 13/8/2025 của Tổng công ty
Điện lực miền Bắc về việc ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng áp
dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1108/QĐ-EVNNPC ngày 31/5/2025 của Tổng Công
ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD
năm 2025 cho Công ty Điện lực Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định 2692/QĐ-PCHT ngày 01/11/2025 của Giám đốc Công
ty Điện lực Hà Tĩnh về việc phê duyệt dự án Nâng cao năng lực vận hành lưới
điện hạ áp, giảm tổn thất điện năng và giảm số khách hàng điện áp thấp trên địa
bàn thị xã Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2025;

Căn cứ Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 2694/QĐ-PCHT ngày 03/11/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định phê duyệt Dự toán gói thầu số 2732/QĐ-PCHT ngày 07/11/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu số 2798/QĐ-PCHT ngày 14/11/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Hà Tĩnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hiệu chỉnh E-HSMT/hồ sơ mời thầu Gói thầu số 5: Xây lắp lưới điện Kỳ Anh bổ sung năm 2025 với nội dung theo phụ lục đính kèm.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2798/QĐ-PCHT ngày 14/11/2025.

Điều 2. Giao Ban QLDA Điện lực Hà Tĩnh chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (bà) Phó Giám đốc Công ty, Trưởng Ban QLDA, Trưởng các phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Tiến Hùng

Phụ lục
HIỆU CHỈNH E-HSMT/HỒ SƠ MỜI THẦU
Gói thầu số 5: Xây lắp lưới điện Kỳ Anh bổ sung năm 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PCHT ngày /11/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Hà Tĩnh)

I. Mẫu số 01. Bảng kê hạng mục công việc:

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
1	Phần cung cấp vật tư thiết bị-khu vực TX Kỳ Anh		
1.1	Đường dây trung áp		
1.1.1	Dao cách ly 1 pha căng trên dây 35kV-630A (Phụ kiện trọn bộ)	5.00	Bộ (3pha)
1.1.2	Chống sét van 35kV	5.00	Bộ (3pha)
1.1.3	Dây dẫn nhôm trần lõi thép, có mỡ trung tính bảo vệ ACSR-70/11mm ²	8,645.00	m
1.1.4	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x35	54.00	m
1.1.5	Sứ đứng 35kV + ty sứ (PI-35)	149.00	Quả
1.1.6	Chuỗi néo thủy tinh 35kV + Phụ kiện (U70BLP)	126.00	Chuỗi
1.2	Trạm biến áp		
1.2.1	Cầu chì tự rơi cắt có tải LBFCO-35kV-100A-cách điện gồm (bao gồm cả dây chì 6K)	5.00	Bộ (3pha)
1.2.2	Chống sét van 35kV	5.00	Bộ (3pha)
1.2.3	Tủ bù hạ thế 60kVAr-400V (Trọn bộ 8 cấp 4x5kVAr+4x10kVAr)	5.00	Tủ
1.2.4	Tủ điện phân phối hạ thế 600V- 300A trọn bộ 3 lộ (4x150A)	5.00	Tủ
1.2.5	Sứ đứng 35kV + ty sứ (PI-35)	72.00	Quả
1.2.6	Chuỗi néo thủy tinh 35kV + Phụ kiện (U70BLP)	9.00	Chuỗi
1.2.7	Dây nhôm lõi thép bọc cách điện XLPE4.3/HDPE-50/8 mm ² -35kV	135.00	m
1.2.8	Cáp đồng bọc cách điện Cu/PVC/PVC 2x2,5mm ²	50.00	m
1.2.9	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 1x95	35.00	m
1.2.10	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 1x150	105.00	m
1.2.11	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	35.00	m
1.2.12	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x35	105.00	m
1.2.13	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x95	30.00	m
1.2.14	Biến dòng hạ thế CT.06 300A/5 CCX 0.5	5.00	Bộ (3 cái)
1.3	Đường dây hạ áp		
1.3.1	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x70	9,837.00	m
1.3.2	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x95	10,466.00	m
2	Phần lắp đặt vật tư thiết bị-khu vực TX Kỳ Anh		
2.1	Đường dây trung áp		
2.1.1	Dao cách ly 1 pha căng trên dây 35kV-630A (Phụ kiện trọn bộ)	5.00	Bộ (3pha)

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
2.1.2	Chống sét van 35kV	5.00	Bộ (3pha)
2.1.3	Dây dẫn nhôm trần lõi thép, có mỡ trung tính bảo vệ ACSR-70/11mm ²	8,645.00	m
2.1.4	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x35	54.00	m
2.1.5	Sứ đứng 35kV + ty sứ (PI-35)	149.00	Quả
2.1.6	Chuỗi néo thủy tinh 35kV + Phụ kiện (U70BLP)	126.00	Chuỗi
2.2	Trạm biến áp		
2.2.1	Vận chuyển, bảo quản Máy biến áp 3 pha 35/0,4kV-180kVA từ kho PCHT đến vị trí lắp đặt	5.00	máy
2.2.2	Cầu chì tự rơi cắt có tải LBFCO-35kV-100A-cách điện gồm (bao gồm cả dây chì 6K)	5.00	Bộ (3pha)
2.2.3	Chống sét van 35kV	5.00	Bộ (3pha)
2.2.4	Tủ bù hạ thế 60kVAr-400V (Trọn bộ 8 cấp 4x5kVAr+4x10kVAr)	5.00	Tủ
2.2.5	Tủ điện phân phối hạ thế 600V- 300A trọn bộ 3 lộ (4x150A)	5.00	Tủ
2.2.6	Sứ đứng 35kV + ty sứ (PI-35)	72.00	Quả
2.2.7	Chuỗi néo thủy tinh 35kV + Phụ kiện (U70BLP)	9.00	Chuỗi
2.2.8	Dây nhôm lõi thép bọc cách điện XLPE4.3/HDPE-50/8 mm ² -35kV	135.00	m
2.2.9	Cáp đồng bọc cách điện Cu/PVC/PVC 2x2,5mm ²	50.00	m
2.2.10	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 1x95	35.00	m
2.2.11	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 1x150	105.00	m
2.2.12	Cáp vắn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	35.00	m
2.2.13	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x35	105.00	m
2.2.14	Cáp đồng bọc cách điện Cu/XLPE/PVC 1x95	30.00	m
2.2.15	Biến dòng hạ thế CT.06 300A/5 CCX 0.5	5.00	Bộ (3 cái)
2.3	Đường dây hạ áp		
2.3.1	Cáp vắn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x70	9,837.00	m
2.3.2	Cáp vắn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x95	10,466.00	m
3	Phần khối lượng nhà thầu cung cấp và lắp đặt-khu vực TX Kỳ Anh		
3.1	Đường dây trung áp		
3.1.1	Đầu cốt đồng 1 lỗ 35	30.00	Cái
3.1.2	Cặp cáp nhôm 3 bu lông 70-95	210.00	Cái
3.1.3	Ống nối nhôm có vách ngăn 70	4.00	Cái
3.1.4	Ống nhựa HDPE 50/40	45.00	m
3.1.5	Đai thép + Khóa đai	45.00	Bộ
3.1.6	Biên cam treo	13.00	Cái
3.1.7	Biên tên cột cầu dao	5.00	Cái
3.1.8	Kéo dây tại vị trí góc	21.00	góc
3.1.9	Cột bê tông ly tâm 14m (mặt bích): NPC.I-14-190-11,0	9.00	cột

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
3.1.10	Cột bê tông ly tâm 14m (mặt bích): NPC.I-14-190-13,0	22.00	cột
3.1.11	Cột bê tông ly tâm 16m (mặt bích): NPC.I-16-190-11,0	1.00	cột
3.1.12	Cột bê tông ly tâm 16m (mặt bích): NPC.I-16-190-13,0	6.00	cột
3.1.13	Cột bê tông ly tâm 20m (mặt bích): NPC.I-20-190-11,0	11.00	cột
3.1.14	Cột bê tông ly tâm 20m (mặt bích): NPC.I-20-190-13,0	14.00	cột
3.1.15	Xà rơ XR35-1L	4.00	bộ
3.1.16	Xà đỡ thẳng 3 pha bằng 35kV xuyên tâm	7.00	bộ
3.1.17	Xà đỡ vượt lách XDVL35-1L	11.00	bộ
3.1.18	Xà đỡ vượt 3 pha bằng 35kV xuyên tâm	3.00	bộ
3.1.19	Xà néo cột đúp 3 pha bằng 35kV dọc tuyến xuyên tâm	8.00	bộ
3.1.20	Xà néo cột đúp 3 pha bằng 35kV ngang tuyến xuyên tâm	6.00	bộ
3.1.21	Xà néo đúp lách 3 tầng dọc tuyến XNĐL35-1L -D (ngọn cột 190)	7.00	bộ
3.1.22	Xà phụ XP-1	1.00	Bộ
3.1.23	Xà phụ XP-2	1.00	Bộ
3.1.24	Xà phụ XP-3	1.00	Bộ
3.1.25	Xà đỡ chống sét van, đầu cột 190	5.00	Bộ
3.1.26	Gông cột 14m đầu cột 190	11.00	Bộ
3.1.27	Gông cột 16m đầu cột 190	3.00	Bộ
3.1.28	Gông cột 20m đầu cột 190	7.00	Bộ
3.1.29	Móng cột MT5-14	9.00	Móng
3.1.30	Móng cột MT5-16	1.00	Móng
3.1.31	Móng cột MT5-20	11.00	Móng
3.1.32	Móng cột MTK6-14	11.00	Móng
3.1.33	Móng cột MTK6-16	3.00	Móng
3.1.34	Móng cột MTK6-20	7.00	Móng
3.1.35	Tiếp địa đường dây RC-4 (Mạ kẽm trọn bộ)	37.00	Bộ
3.1.36	Tiếp địa đường dây RC-8 (Mạ kẽm trọn bộ)	5.00	Bộ
3.2	Trạm biến áp		
3.2.1	Đầu cột đồng nhôm 1 lỗ 50	75.00	Cái
3.2.2	Đầu cột đồng nhôm 1 lỗ 70	40.00	Cái
3.2.3	Đầu cột đồng 1 lỗ 2,5	20.00	Cái
3.2.4	Đầu cột đồng 1 lỗ 35	30.00	Cái
3.2.5	Đầu cột đồng 1 lỗ 95	50.00	Cái
3.2.6	Đầu cột đồng 2 lỗ 95	10.00	Cái
3.2.7	Đầu cột đồng 2 lỗ 150	30.00	Cái
3.2.8	Cặp cáp nhôm 3 bu lông 70-95	141.00	Cái
3.2.9	Giáp buộc cổ sứ đơn Composite (35-50mm ²)	30.00	Cái
3.2.10	Ống nhựa HDPE 85/65	150.00	m
3.2.11	Ống nhựa HDPE 32/25	45.00	m
3.2.12	Đai thép + Khóa đai	40.00	Cái
3.2.13	Chụp Silicon cầu chì	30.00	Cái
3.2.14	Chụp Silicon chống sét	15.00	Cái
3.2.15	Chụp Silicon cực cao thế MBA	15.00	Cái

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
3.2.16	Biên báo cáp lộ xuất tuyến	15.00	Cái
3.2.17	Biên cắm trèo	5.00	Cái
3.2.18	Biên tên trạm	5.00	Cái
3.2.19	Khóa đồng	5.00	Cái
3.2.20	Cột bê tông ly tâm NPC.I-12-190-7,2	8.00	Cột
3.2.21	Cột bê tông ly tâm (mặt bích) NPC.I-14-190-11	2.00	Cột
3.2.22	Xà đón dây đầu trạm ngang tuyến	3.00	Bộ
3.2.23	Xà đón dây đầu trạm dọc tuyến	4.00	Bộ
3.2.24	Xà đỡ cầu chì tự rơi và chống sét van	5.00	Bộ
3.2.25	Xà đỡ sứ trung gian tầng 1	5.00	Bộ
3.2.26	Xà đỡ sứ trung gian tầng 2	5.00	Bộ
3.2.27	Giá đỡ máy biến áp	5.00	Bộ
3.2.28	Ghế thao tác	5.00	Bộ
3.2.29	Thang trèo TT-2,5m	2.00	Bộ
3.2.30	Thang trèo TT-4m	4.00	Bộ
3.2.31	Thang đỡ cáp tổng 2	5.00	Bộ
3.2.32	Thang đỡ cáp xuất tuyến 2 (1 bộ 4 cái)	10.00	Cái
3.2.33	Giá đỡ 4 cáp xuất tuyến dầm MBA (1 bộ 4 cái)	5.00	Cái
3.2.34	Xà đỡ cáp xuất tuyến	10.00	Bộ
3.2.35	Móng cột TBA MT-3	10.00	móng
3.2.36	Nền TBA (tim 2,6m)	5.00	móng
3.2.37	Hệ thống tiếp địa TBA cột 14m không có Ghế TT & TT (mạ kẽm trọn bộ)	1.00	HT
3.2.38	Hệ thống tiếp địa TBA cột 12m có Ghế TT & TT (mạ kẽm trọn bộ)	4.00	HT
3.3	Đường dây hạ áp		
3.3.1	Kẹp xiết cáp vắn xoắn 4x70	482.00	Bộ
3.3.2	Kẹp xiết cáp vắn xoắn 4x95	537.00	Bộ
3.3.3	Ghíp bọc cách điện 2 bulong GN-95	120.00	Bộ
3.3.4	Ghíp bọc cách điện 2 bulong GN-70	156.00	Bộ
3.3.5	Hòm công tơ di chuyển H2 (Tháo chuyển trọn bộ hòm và dây xuống hòm từ cột cũ sang cột mới)	27.00	Cái
3.3.6	Hòm công tơ di chuyển H4 (Tháo chuyển trọn bộ hòm và dây xuống hòm từ cột cũ sang cột mới)	23.00	Cái
3.3.7	Hòm công tơ tháo hạ, lắp đặt lại H3F	5.00	Cái
3.3.8	Cáp vắn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-2x25	113.00	m
3.3.9	Cáp vắn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-2x35	90.00	m
3.3.10	Cáp Cu/XLPE/PVC-3x25+1x16	23.00	m
3.3.11	Ghíp bọc cách điện 2 bulong GN 70-95	120.00	Bộ
3.3.12	Đầu cột đồng 1 lỗ 25	20.00	Bộ
3.3.13	Đầu cột đồng nhôm AM-35	46.00	Bộ
3.3.14	Đầu cột đồng nhôm AM-25	54.00	Bộ
3.3.15	Giá lắp hòm công tơ trên cột đơn	18.00	Bộ
3.3.16	Giá lắp hòm công tơ trên cột đúp	18.00	Bộ
3.3.17	Tấm ốp cột tròn đơn phi 16	282.00	Bộ

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
3.3.18	Đai thép hòm công tơ	488.00	Bộ
3.3.19	Đai thép bắt phụ kiện dây sau công tơ	564.00	Bộ
3.3.20	Kẹp dây sau công tơ	902.00	Cái
3.3.21	Dây thép bọc nhựa pvc 2mm	423.00	m
3.3.22	Cột bê tông ly tâm NPC.I-8,5-190-4,3	116.00	cột
3.3.23	Cột bê tông ly tâm NPC.I-10-190-5,0	6.00	cột
3.3.24	Cổ đế đỡ cáp cột vuông CDV-1	268.00	Bộ
3.3.25	Cổ đế đỡ cáp cột vuông CDV-2	46.00	Bộ
3.3.26	Cổ đế đỡ cáp trên cột li tâm CDT-1	213.00	Bộ
3.3.27	Cổ đế đỡ cáp trên cột li tâm CDT-2	50.00	Bộ
3.3.28	Móng cột ly tâm đơn M1	100.00	Móng
3.3.29	Móng cột li tâm kép M2	11.00	Móng
3.4	Thu hồi nhập kho Công ty Điện lực Hà Tĩnh		
3.4.1	Cáp vặn xoắn XLPE 2x25 (TH)	4,771.00	m
3.4.2	Cáp vặn xoắn XLPE 2x35 (TH)	2,782.00	m
3.4.3	Cáp vặn xoắn XLPE 2x50	669.00	m
3.4.4	Cáp vặn xoắn Al/XLPE-4x35(TH)	730.00	m
3.4.5	Cáp vặn xoắn Al/XLPE-4x50(TH)	5,592.00	m
3.4.6	Cáp vặn xoắn Al/XLPE-4x70(TH)	51.00	m
3.4.7	Cột LT8,5B(TH)	9.00	cột
3.4.8	Cột H7,5A(TH)	26.00	cột
3.4.9	Cột H6,5A(TH)	14.00	cột
3.4.10	Đai thép + Móc treo cáp	231.00	bộ
3.4.11	Kẹp các loại	476.00	bộ
3.5	Thí nghiệm hiệu chỉnh		
3.5.1	Điện trở tiếp đất trung áp	42.00	bộ
3.5.2	Thí nghiệm cầu dao cách ly	5.00	bộ
3.5.3	Thí nghiệm MBA 22-35kV (sau lắp đặt)	5.00	máy
3.5.4	Thí nghiệm tiếp địa trạm	5.00	HT
4	Phân cung cấp vật tư thiết bị-khu vực huyện Kỳ Anh		
4.1	Đường dây hạ áp		
4.1.1	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x70	175	m
4.1.2	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x95	2028	m
5	Phân lắp đặt vật tư thiết bị-khu vực huyện Kỳ Anh		
5.1	Đường dây hạ áp		
5.1.1	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x70	175	m
5.1.2	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-AL/XLPE-4x95	2028	m
6	Phân khối lượng nhà thầu cung cấp và lắp đặt-khu vực TX Kỳ Anh		
6.1	Đường dây hạ áp		
6.1.1	Kẹp xiết cáp vặn xoắn 4x70	9	Bộ
6.1.2	Kẹp xiết cáp vặn xoắn 4x95	113.00	Bộ
6.1.3	Ghíp bọc cách điện 2 bulong GN-95	28.00	Bộ
6.1.4	Ghíp bọc cách điện 2 bulong GN-70	16.00	Bộ

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
6.1.5	Hòm công tơ di chuyển H2 (Tháo chuyển trọn bộ hòm và dây xuống hòm từ cột cũ sang cột mới)	1.00	Cái
6.1.6	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-2x25	4.50	m
6.1.7	Ghíp bọc cách điện 2 bulong GN-95	2.00	Bộ
6.1.8	Đầu cột đồng nhôm AM-25	2.00	Bộ
6.1.9	Tấm ốp cột tròn đơn phi 16	37.00	Bộ
6.1.10	Đai thép hòm công tơ	76.00	Bộ
6.1.11	Đai thép bắt phụ kiện dây sau công tơ	74.00	Bộ
6.1.12	Kẹp dây sau công tơ	187.00	Cái
6.1.13	Dây thép bọc nhựa nhựa pvc 2mm	88.50	m
6.1.14	Cột bê tông ly tâm NPC.I-8,5-190-4,3	4.00	cột
6.1.15	Cổ đế đỡ cáp cột vuông CDV-1	39.00	Bộ
6.1.16	Cổ đế đỡ cáp cột vuông CDV-2	10.00	Bộ
6.1.17	Cổ đế đỡ cáp trên cột li tâm CDT-1	34.00	Bộ
6.1.18	Cổ đế đỡ cáp trên cột li tâm CDT-2	4.00	Bộ
6.1.19	Móng cột ly tâm đơn M1	4.00	móng
6.2	Thu hồi nhập kho Công ty Điện lực Hà Tĩnh		
6.2.1	Dây dẫn bọc AV-35	1,332.00	m
6.2.2	Cáp vặn xoắn XLPE 2x25 (TH)	666.00	m
6.2.3	Cáp vặn xoắn Al/XLPE-4x35(TH)	135.00	m
6.2.4	Cột H7,5A(TH)	2.00	cột
6.2.5	Xà X1-2	15	Bộ
6.2.6	Xà néo 1 pha 2 dây cột vuông	2	Bộ
6.2.7	Chụp	1	Bộ
6.2.8	Đai thép + Móc treo cáp	5	bộ
6.2.9	Kẹp các loại	24	bộ
6.2.10	Sứ hạ thế A30	38	Quả